TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2023/DS-PT
Ngày: 13-12-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 690/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số nhà 45, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1968;

2. Bà Lê Thị G, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Số nhà 05, Ấp 7, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G - Bị đơn;

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ngày 18-6-2021, bà có cho vợ, chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Đến ngày 08-02-2023 ông H, bà G vay tiếp của bà số tiền 35.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hẹn 02 ngày sau sẽ trả cùng với số tiền vốn vay của khoản vay ngày 18-6-2021. Tuy nhiên đến thời hạn trả tiền thì ông H, bà G không trả tiền vốn vay và tiền lãi như đã thỏa thuận. Bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, bà G trả số tiền trên nhưng vợ chồng ông H nhiều lần hứa hẹn không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G liên đới trả cho bà số tiền vốn vay là 1.035.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng, tính từ ngày 18-6-2021 đến ngày 18-7-2023 là 25 tháng, thành tiền là 415.000.000 đồng (1.000.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 25 tháng).

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị D, về các lần vay, mức lãi suất, thời hạn vay như bà D trình bày là đúng, tổng cộng số tiền vợ chồng ông đã vay của bà D là 1.035.000.0000 đồng. Tuy nhiên đối với khoản tiền vay 1.000.000.000 đồng vào ngày 18-6-2021, ông đã tiền lãi cho bà D đầy đủ, mỗi lần trả từ 10.000.0000 đồng đến 20.000.000 đồng, trả từ sau khi vay cho đến tháng 01 năm 2023 (âm lịch) thì không trả tiền lãi nữa, tổng số tiền lãi mà ông đã trả cho bà D là 450.000.000 đồng. Tuy nhiên do tin tưởng bà D nên khi trả tiền lãi, ông không yêu cầu bà D làm giấy tờ hay biên nhận gì.

Nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu vợ chồng ông liên đới trả số tiền vốn vay là 1.035.000.000 đồng và lãi suất, ông có ý kiến như sau: Ông đề nghị khấu trừ số tiền lãi mà ông đã trả cho bà D vào số tiền vốn vay ngày 18-6-2021, cụ thể: 1.000.000.000 đồng trừ 450.000.000 đồng còn lại 550.000.000 đồng. Vợ chồng ông chỉ đồng ý trả cho bà D khoản tiền vay ngày 18-6-2021 còn lại là 550.000.000 đồng và khoản vay ngày 08-02-2023 là 35.000.000 đồng, tổng cộng 585.000.000 đồng nhưng xin trả dần trong thời hạn 07 tháng, mỗi lần trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và đề nghị bà D không tính tiền lãi trên số tiền vốn vay.

Bị đơn bà Lê Thị G: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành cấp, tống đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng nhưng bà G vắng mặt không có lý do. Do bà G vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 91, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 328, 463, 466, 357 và 468 của

Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G.

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D 1.035.000.000 đồng tiền vốn vay và 415.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21-8-2023, các bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm cho khách quan vì ông bà đã đóng lãi từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng mỗi tháng nhưng không được khấu trừ vào tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của ông H và bà G trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ông H và bà G thừa nhận có thiếu nợ bà D số tiền vốn vay 1.035.000.000 đồng. Ông H và bà G cho rằng đã trả lãi 450.000.000 đồng yêu cầu được khấu trừ và xin trả dần nhưng bà D không thừa nhận ông H và bà G có trả tiền lãi và không đồng ý cho trả dần. Ông H và bà G không có chứng cứ chứng minh việc trả lãi cho bà D. Kháng cáo của ông H và bà G là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông H và bà G kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm yêu cầu xét xử phúc thẩm cho khách quan vì ông bà đã đóng lãi 450.000.000 đồng nhưng không được khấu trừ và xin trả dần.

[2] Bà D yêu cầu vợ chồng ông H, bà G trả số tiền vốn vay 1.035.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng), tính từ ngày 18-6-2021 đến ngày 18-7-2023 thành tiền là 415.000.000 đồng. Xét thấy:

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và bà G thừa nhận có vay của bà D 1.035.000.0000 đồng. Cụ thể: Ngày 18-6-2021, ông H, bà G vay của bà D 1.000.000.000 đồng và ngày 08-02-2023 ông H, bà G vay của bà D 35.000.000

đồng. Ông H và bà G cho rằng đã trả lãi cho bà D 15 tháng tính từ tháng 7 năm 2021 với tổng số tiền lãi là 450.000.000 đồng. Ông H và bà G yêu cầu bà D khấu trừ số tiền 450.000.000 đồng vào số tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng.

[4] Vì vậy, ông H, bà G chỉ đồng ý trả cho bà D khoản tiền vốn vay vào ngày 18-6-2021 còn lại là 550.000.000 đồng và khoản vốn vay ngày 08-02-2023 là 35.000.000 đồng, tổng cộng 585.000.000 đồng nhưng xin trả dần trong thời hạn 07 tháng, mỗi lần trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nhưng ông H và bà G không có chứng cứ gì chứng minh việc đã trả cho bà D 450.000.000 đồng tiền lãi. Bà D không thừa nhận việc ông H đã trả tiền lãi cho bà D và bà D cũng không đồng ý cho ông H, bà G trả dần số tiền này nên lời trình bày và yêu cầu của ông H, bà D là không có cơ sở chấp nhận. Bà D yêu cầu vợ chồng ông H, bà G trả số tiền vốn vay 1.035.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Bà D yêu cầu ông H và bà G liên đới trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng). Xét thấy, giấy nợ ngày 18-6-2021 thể hiện các bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Thỏa thuận lãi suất của các đương sự là cao hơn lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên phần thỏa thuận về lãi suất vượt quá lãi suất giới hạn là 20%/năm không có hiệu lực. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng). Bà D chỉ yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp nên được chấp nhận, tiền lãi được tính từ ngày 18-6-2021 đến ngày 18-7-2023 là 25 tháng, thành tiền là 415.000.000 đồng.

[6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D 1.035.000.000 đồng tiền vốn vay và 415.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 1.450.000.000 đồng. Ông H và bà G kháng cáo yêu cầu khấu trừ tiền lãi đã trả 450.000.000 đồng vào số tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng và xin trả dần là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ông H và bà G là có căn cứ.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông H và bà G mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 91, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 328, 463, 466, 357 và 468 của

Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G.

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D 1.035.000.000 đồng tiền vốn vay và 415.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G phải liên đới chịu 55.500.000 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí và cũng thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị G mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 600.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo các biên lai số 0004994; biên lai số 0004995 cùng ngày 29-8-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu